

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----oOo-----

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM
Số: 05/CÔNG TY TNHH NESTLÉ VIỆT NAM/2022
(TCCS 05:2022/NVL)

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm:

Tên tổ chức, cá nhân: **CÔNG TY TNHH NESTLÉ VIỆT NAM**

Địa chỉ: **SỐ 7, ĐƯỜNG 17A, KHU CÔNG NGHIỆP BIÊN HÒA 2, PHƯỜNG AN BÌNH, THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI, VIỆT NAM.**

Điện thoại: **02513 -836601**

Fax: **02513-836602**

E-mail:.....

Mã số doanh nghiệp: 3600235305

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: 038/2020/ATTP-CNĐK / Ngày cấp: 12/02/2020. Nơi cấp: Chi Cục an toàn vệ sinh thực phẩm – Sở Y tế tỉnh Đồng Nai.

II. Thông tin về sản phẩm:

1. Tên sản phẩm: **Hỗn Hợp Bột Cacao Nestlé Hot Chocolate Complete Mix**
2. Thành phần: Đường, Sữa bột, Sirô glucose, Cacao 10%, Dầu thực vật, Muối khoáng (Calci phosphat), Muối, Chất ổn định 340(ii), chất nhũ hóa 471, Hương liệu vani tự nhiên (có chứa sữa – contains milk), gia vị (quế).

Sản phẩm có chứa sữa.

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: Tối đa 15 tháng kể từ tháng sản xuất
4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:
Quy cách đóng gói: 750 g/ gói, 12 gói/ thùng
Chất liệu bao bì: Sản phẩm được đóng gói trong bao bì phức hợp PE/AL/PE, rồi đóng vào thùng carton. Chất liệu bao bì đảm bảo an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ Y Tế.
5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm: Nestlé Australia Ltd – Rawson Street, Smithtown, Australia.

III. Mẫu nhãn sản phẩm: Có nhãn đính kèm

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm:

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

1. Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia số:



- QCVN 8-1:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm (Mục 1.8)

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Aflatoxin M1	µg/kg	0,5

- QCVN 8-2:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm (mục 1.11, 2.23, 3.29, 4.8)

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Arsen (As)	mg/kg	1,0
2	Cadmi (Cd)	mg/kg	1,0
3	Chì (Pb)	mg/kg	2,0
4	Thủy ngân (Hg)	mg/kg	0,05

2. Thông tư của các Bộ, ngành:

- Quyết định số 38/2008/QĐ-BYT: Quy định mức giới hạn tối đa của melamine nhiễm chéo trong thực phẩm.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Melamine	mg/kg	2,5

- Thông tư 24/2019/TT-BYT: Thông tư quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm.

3. Tiêu chuẩn nhà sản xuất:

- Tiêu chuẩn vi sinh theo tiêu chuẩn nhà sản xuất: Không áp dụng

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố.

Đồng Nai, ngày 25 tháng 3 năm 2022

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)



Carl Khoury

Giám Đốc Ngành Hàng Cà Phê & Thức Uống



Nội dung ghi nhãn của sản phẩm

(Nhãn phụ của sản phẩm)

Hỗn Hợp Bột Cacao Nestlé Hot Chocolate Complete Mix

Thành phần: Đường, Sữa bột, Sirô glucose, Cacao 10%, Dầu thực vật, Muối khoáng (Calci phosphat), Muối, Chất ổn định 340(ii), chất nhũ hóa 471, Hương liệu vani tự nhiên (có chứa sữa – contains milk), gia vị (quế).

Sản phẩm có chứa sữa.

Giá trị dinh dưỡng trung bình	Trong 1 khẩu phần 25 g	Trong 100 ml
Năng lượng	420 kJ	210 kJ
Chất béo	1,9 g	1,0 g
Chất đạm	2,2 g	1,1 g
Carbohydrate	19,1 g	9,6 g
Natri	115 mg	58 mg

Khối lượng tịnh: 750 g

Ngày sản xuất (NSX): 15 tháng trước hạn sử dụng (HSD)

Hạn sử dụng (HSD): Xem “Best before” trên bao bì.

Hướng dẫn sử dụng:

Cách pha chế cho máy tự động:

- Mở bao bì, lấy 1 gói (750 g), đổ thêm nước để tổng cộng thể tích nước & bột cacao là 6 lít, sẽ pha được 30 cốc.

Thực đơn chuyên nghiệp dành cho bạn:

Cho 25 g Hỗn hợp bột cacao Nestlé Hot Chocolate Complete Mix hoặc 3 muỗng đầy vào cốc. Thêm 175 ml nước nóng, khuấy đều và thưởng thức.

Hướng dẫn bảo quản: Sử dụng tốt nhất trong vòng 8 tuần sau khi mở gói. Bảo quản sản phẩm nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp.

Thông tin cảnh báo: Không dùng cho người dị ứng với các thành phần của sản phẩm.

Xuất xứ: Úc

Sản xuất bởi: Nestlé Australia Ltd – Rawson Street, Smithtown, Australia.

Thương nhân nhập khẩu và tự công bố: Công ty TNHH Nestlé Việt Nam, Số 7, Đường 17A, Khu Công Nghiệp Biên Hòa 2, P. An Bình, TP. Biên Hòa, T. Đồng Nai, Việt Nam.

Tư vấn khách hàng: 1800-6699 (miễn phí cuộc gọi)

Tiêu chuẩn sản phẩm số: TCCS 05:2022/NVL



KT3-00758ATP2/2

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

17/02/2022
Page 01/02

1. Tên mẫu
Name of sample : **HỒN HỢP BỘT CACAO NESTLÉ HOT CHOCOLATE COMPLETE MIX**
2. Mô tả mẫu
Sample description : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp. / *Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.*
Mẫu còn nguyên bao bì và nhãn hiệu.
As received sample is intact package and brand.
3. Số lượng mẫu
Quantity : 01
4. Ngày nhận mẫu
Date of receiving : 11/02/2022
5. Thời gian thử nghiệm
Testing duration : 11/02/2022 - 17/02/2022
6. Nơi gửi mẫu
Customer : **CÔNG TY TNHH NESTLÉ VIỆT NAM**
Số 7, Đường 17A, Khu Công Nghiệp Biên Hòa 2, Phường An Bình, Thành Phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
7. Kết quả thử nghiệm
Test results : Xem trang / *See page 02/02*

TRƯỞNG PTN THỰC PHẨM
HEAD OF FOOD TESTING LAB.



Nguyễn Thành Công

TL. GIÁM ĐỐC/ PP. DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM /
HEAD OF TESTING LAB.



Ngô Quốc Việt

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rq.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact Quatest 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rq.tn@quatest3.com.vn for further information about test report.

KT3-00758ATP2/2

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

17/02/2022
 Page 02/02

7. Kết quả thử nghiệm :
Test results

Tên chỉ tiêu <i>Characteristic</i>	Đơn vị	Phương pháp thử <i>Test method</i>	Giới hạn phát hiện/Phạm vi đo <i>Limit of Detection/ Range of measurement</i>	Kết quả thử nghiệm <i>Test result</i>
7.1. Hàm lượng aflatoxin M1, <i>Aflatoxin M1 content</i>	µg/kg	QTTN/KT3 242:2019	0,02	Không phát hiện <i>Not detected</i>
7.2. Hàm lượng asen tổng số, <i>Total arsenic content</i>	mg/kg	TCVN 8427 : 2010	$1,00 \times 10^{-2}$	Nhỏ hơn $3,00 \times 10^{-2(1)}$ <i>Less than</i>
7.3. Hàm lượng cadimi, <i>Cadmium content</i>	mg/kg	QTTN/KT3 – 083 : 2012 (Ref: AOAC 2016 (973.35))	$3,00 \times 10^{-2}$	Nhỏ hơn $9,00 \times 10^{-2(1)}$ <i>Less than</i>
7.4. Hàm lượng chì, <i>Lead content</i>	mg/kg	QTTN/KT3 – 083 : 2012 (Ref: AOAC 2016 (973.35))	$3,00 \times 10^{-2}$	Nhỏ hơn $9,00 \times 10^{-2(1)}$ <i>Less than</i>
7.5. Hàm lượng thủy ngân, <i>Mercury content</i>	mg/kg	QTTN/KT3 064:2016 (Ref: AOAC 2016 (971.21))	$1,50 \times 10^{-2}$	Không phát hiện <i>Not detected</i>
7.6. Hàm lượng melamin, <i>Melamine content</i>	mg/kg	QTTN/KT3 051 : 2018 (Ref: TCVN 9048 : 2012)	0,10	Không phát hiện <i>Not detected</i>

Ghi chú/Notes: (1): là giá trị LOQ (giới hạn định lượng) của phương pháp thử.

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rq.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact Quatest 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rq.tn@quatest3.com.vn for further information about test report.